

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Tên gói hàng hóa/dịch vụ:

CUNG CẤP VẬT TƯ, LINH KIỆN MÁY PHOTOCOPY, MÁY IN

Bên mời chào giá:

**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ MẶT ĐẤT
SÂN BAY VIỆT NAM - VIAGS**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 07 năm 2026

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔ TRƯỞNG TỔ MUA SẮM**



Tô Thị Hồng Hạnh

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Thư mời chào giá	03
1. Yêu cầu về hàng hóa/dịch vụ	04
2. Yêu cầu về tư cách Nhà cung cấp	04
3. Yêu cầu chào giá	04
4. Tiêu chuẩn đánh giá	04
4.1 Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm	04
4.2 Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật	05
5. Các yêu cầu khác	06
5.1 Các quy định về chuẩn bị HSDX và nộp HSDX	06
5.2 Làm rõ HSDX	07
5.3 Đánh giá các HSDX	07
5.4 Điều kiện Nhà cung cấp được lựa chọn	08
5.5 Thông báo kết quả	09
5.6 Thương thảo, hoàn thiện và ký hợp đồng	09
5.7 Xử lý vi phạm	09
5.8 Các biểu mẫu	09
Mẫu số 1: Đơn chào giá	10
Mẫu số 2: Giấy ủy quyền	11
Mẫu số 3: Biểu giá chào	12
Mẫu số 4: Báo cáo thực hiện hợp đồng tương tự	13
6. Phụ lục 01	14

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDX	Hồ sơ đề xuất
VNĐ	Đồng Việt Nam

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty

Hiện nay Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam có nhu cầu mua sắm gói Hàng hóa/dịch vụ “Cung cấp vật tư, linh kiện máy photocopy, máy in” theo hình thức mua sắm chào giá.

VIAGS kính mời Quý Công ty tham gia chào giá gói hàng hóa, dịch vụ này.

Thời gian phát hành Hồ sơ yêu cầu: Từ 09 giờ 00 ngày 02/07/2026 đến 16 giờ 00 ngày 09/07/2026.

Hạn cuối nộp hồ sơ đề xuất 16 giờ 00 ngày 09/07/2026

Địa điểm nộp hồ sơ đề xuất: Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam (VIAGS), lầu 06 Nhà điều hành Tổng Công Ty Hàng Không Việt Nam – sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất.

Chi tiết xin liên hệ:

Ông: Nguyễn Phúc Bảo Minh

Điện thoại: 0982626255

Email: minhnpb@viags.vn

Xin cảm ơn và trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Tổ MS.

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔ TRƯỞNG TỔ MUA SẮM**



Tô Thị Hồng Hạnh

1. YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA/DỊCH VỤ

1.1 Nội dung, danh mục hàng hóa/dịch vụ, số lượng: Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm

1.2 Yêu cầu, tiêu chuẩn hàng hóa/dịch vụ: theo Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật quy định tại Mục 4.2 HSYC.

1.3 Yêu cầu về sản phẩm mẫu: Cung cấp số lượng 01 sản phẩm theo tiêu chuẩn quy định tại Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật tại Mục 4.2 HSYC trong vòng 10 ngày kể từ ngày có đơn đặt hàng.

2. YÊU CẦU VỀ TƯ CÁCH NHÀ CUNG CẤP

3.1. Có giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy đăng ký hoạt động phù hợp, hợp pháp được cấp theo quy định của pháp luật (còn hiệu lực) bản sao y.

3.2. Không có tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi hoặc đang có vi phạm hợp đồng với Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam,

3.3. Không bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo Luật Đấu thầu.

3. YÊU CẦU CHÀO GIÁ

3.4. Giá chào là giá do Nhà cung cấp nêu trong Đơn chào giá sau khi trừ giá trị giảm giá ghi trong Thư giảm giá (nếu có).

3.5. Trường hợp Nhà cung cấp có Thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSDX hoặc nộp riêng song phải đảm bảo Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Trường hợp Thư giảm giá nộp cùng với HSDX thì Nhà cung cấp phải thông báo cho Bên mời chào giá trước thời điểm hết hạn nộp HSDX hoặc phải có bảng kê thành phần HSDX trong đó có Thư giảm giá.

3.6. Biểu giá chào phải được ghi đầy đủ theo Mẫu số 3 Mục 5.8, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp, bao gồm đầy đủ các thành phần cấu thành nên giá chào (chi phí vận chuyển, thuế, phí) và cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.

3.7. Đồng tiền chào giá: VNĐ

4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

4.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Hoạt động trong lĩnh vực cung cấp vật tư, linh kiện máy photocopy, máy in	≥ 03 năm	< 3 năm
2	Vốn điều lệ	≥ 04 tỷ đồng	< 04 tỷ đồng
3	Báo cáo thực hiện 01 hợp đồng tương tự: Có tổng giá trị hợp đồng $\geq 2.187.810.000$ VNĐ về lĩnh vực cung cấp vật tư, linh kiện máy photocopy, máy in trong 05 năm gần đây (từ tháng 7/2021) của Nhà cung cấp theo Mẫu số 4 Mục 5.8 hoặc mẫu	≥ 01 Hợp đồng	< 01 Hợp đồng

	được Bên mời chào giá chấp nhận.		
	Hoặc 02 Hợp đồng trong cùng 1 năm có tổng giá trị $\geq 3.062.934.000$ VNĐ của Nhà cung cấp.	≥ 02 Hợp đồng	< 02 Hợp đồng
	KẾT LUẬN	Đạt tất cả nội dung trên	Không Đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên

4.2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
I.	Yêu cầu hàng hoá phải hoàn toàn mới 100%, đúng số lượng, chủng loại, tiêu chuẩn kỹ thuật theo Phụ lục 1: Danh mục hàng hoá, thông số kỹ thuật, số lượng dự kiến đính kèm HSYC.	Đáp ứng	Không đáp ứng
II	Yêu cầu quan trọng khác		
1	Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Đáp ứng	Không đáp ứng
2	- Địa điểm giao hàng: + VIAGS TSN: Khu vực Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hoà, TP.Hồ Chí Minh. + VIAGS DAD: Khu vực Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hoà Cường, TP.Đà Nẵng. + VIAGS NBA: Khu vực Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Nội Bài, TP.Hà Nội.	Đáp ứng	Không đáp ứng
3	Điều kiện thanh toán: - Chuyển khoản bằng VNĐ. - Thanh toán 100% giá trị các đơn hàng trong vòng 15 ngày làm việc sau khi hai bên hoàn thành bàn giao nghiệm thu hàng hóa và Bên Bán bàn giao đầy đủ hồ sơ thanh toán bao gồm: + Bản chính các đơn đặt hàng và bản chính các biên bản bàn giao nghiệm thu theo từng đơn đặt hàng trong tháng. + Bản chính Biên bản xác nhận khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. + Hóa đơn và chứng từ hợp lệ. + Giấy đề nghị thanh toán.	Đáp ứng	Không đáp ứng
4	Điều khoản tặng thêm nếu có (miễn phí): - Bên Bán sẽ tiến hành bảo trì máy in miễn phí cho Bên Mua (06 tháng/lần) với tất cả các máy in đối với những thiết bị được sử dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian bảo trì sẽ được hai bên thỏa thuận.		

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
	- Bên Bán cam kết có mặt trong vòng 4 giờ để khắc phục sự cố sau khi nhận được thông báo của Bên Mua. Trong trường hợp có thay thế linh kiện: 1. Máy in còn trong thời gian bảo hành: theo quy định của nhà sản xuất. 2. Máy in hết thời gian bảo hành: Bên Bán sẽ gửi báo giá chi tiết linh kiện cần thay thế cho Bên Mua. Linh kiện chỉ được thay thế khi có xác nhận của Bên Mua.		
5	Yêu cầu hóa đơn, chứng từ thanh toán: Hợp pháp, đúng quy định của Nhà nước và yêu cầu của cơ quan thuế.	Đáp ứng	Không đáp ứng
	KẾT LUẬN	Đạt tất cả nội dung trên	Không Đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên

5. CÁC YÊU CẦU KHÁC

5.1. Các quy định về chuẩn bị HSDX và nộp HSDX

5.1.1. Nội dung của HSDX

a) HSDX cũng như tất cả các văn bản, tài liệu trao đổi giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp liên quan đến việc Chào giá phải được viết bằng tiếng Việt (đối với các CQDV trong nước).

b) HSDX do Nhà cung cấp chuẩn bị bao gồm các nội dung sau:

- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của Nhà cung cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bản sao y hoặc công chứng);
- Đơn chào giá theo Mẫu số 1 tại Mục 5.8 HSYC, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp (người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2 Mục 5.8 HSYC);
- Giấy ủy quyền (nếu có) theo Mẫu số 2 Mục 5.8 HSYC;
- Biểu giá chào theo Mẫu số 3 Mục 5.8 HSYC;
- Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp: Giới thiệu về Nhà cung cấp (nếu có); Báo cáo thực hiện hợp đồng tương tự trong 5 năm gần đây (từ tháng 7/2021) hoạt động trong lĩnh vực cung cấp vật tư, linh kiện máy photocopy, máy in của Nhà cung cấp theo Mẫu số 4 Mục 5.8; Các tài liệu khác chứng minh năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp theo nội dung Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm quy định tại mục 4.1 HSYC (nếu có);
- Dự thảo hợp đồng (nếu có);

5.1.2. Thời gian có hiệu lực của HSDX

Thời gian có hiệu lực của HSDX là 30 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX quy định tại mục 5.1.3 Điểm b.

5.1.3. Chuẩn bị và nộp HSDX

a) HSDX do Nhà cung cấp chuẩn bị phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được. Đơn chào giá, biểu giá chào, thư giảm giá, (nếu có) và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX (nếu có) phải được đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp ký và đóng dấu (nếu có). Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn chào giá) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).

b) Nhà cung cấp nộp HSDX đến Bên mời chào giá bằng cách gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc bằng fax nhưng phải đảm bảo Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX là 16 giờ 00, ngày 09/07/2026, HSDX của Nhà cung cấp gửi đến sau thời điểm hết hạn nộp HSDX là không hợp lệ và bị loại.

Địa điểm nộp HSDX: Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam (VIAGS) – Sân bay Tân Sơn Nhất.

Địa chỉ: Lầu 6 Nhà điều hành Tổng Công Ty Hàng Không Việt Nam phía Nam – Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất.

Người liên hệ: Nguyễn Phúc Bảo Minh

Điện thoại: 0982626255

5.2. Làm rõ HSDX

5.2.1 Trong quá trình đánh giá HSDX, Bên mời chào giá có thể yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ nội dung của HSDX (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường) và bổ sung tài liệu trong trường hợp HSDX thiếu tài liệu (Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chứng chỉ chuyên môn phù hợp và các tài liệu khác) theo yêu cầu của HSYC với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá chào.

5.2.2 Việc làm rõ HSDX được thực hiện giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp có HSDX cần phải làm rõ dưới hình thức trao đổi trực tiếp (Bên mời chào giá mời Nhà cung cấp đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời phải lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (Bên mời chào giá gửi văn bản yêu cầu làm rõ và Nhà cung cấp phải trả lời bằng văn bản). Trong văn bản yêu cầu làm rõ cần quy định thời hạn làm rõ của Nhà cung cấp. Nội dung làm rõ HSDX thể hiện bằng văn bản được Bên mời chào giá bảo quản như một phần của HSDX. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà Bên mời chào giá không nhận được văn bản làm rõ hoặc Nhà cung cấp có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời chào giá thì Bên mời chào giá xem xét, xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành.

5.3. Đánh giá các HSDX

Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo trình tự như sau:

5.3.1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDX, bao gồm:

- a) Thời gian nộp HSDX;
- b) Tư cách hợp lệ của Nhà cung cấp theo quy định tại Mục 2 (sau khi đã làm rõ hoặc bổ sung tài liệu theo yêu cầu của Bên mời chào giá);

c) Tính hợp lệ (chữ ký, thời gian) trong các tài liệu như Đơn chào giá, Giấy ủy quyền (nếu có), Biểu giá chào;

d) Hiệu lực của HSDX theo quy định tại Mục 5.1.2;

HSDX của Nhà cung cấp sẽ bị loại bỏ và không được xem xét tiếp nếu Nhà cung cấp không đáp ứng một trong các nội dung nói trên.

5.3.2. Đánh giá năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp

Bên mời chào giá đánh giá năng lực, kinh nghiệm các Nhà cung cấp theo Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm quy định tại Mục 4.1 và sử dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí “Đạt”, “Không đạt”. HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm khi tất cả các nội dung chi tiết về năng lực, kinh nghiệm được đánh giá là “Đạt”.

5.3.3. Đánh giá về kỹ thuật

Bên mời chào giá đánh giá theo các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Mục 4.2 HSYC đối với HSDX đáp ứng yêu cầu về tính hợp lệ và năng lực, kinh nghiệm. Việc đánh giá các yêu cầu về kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp theo tiêu chí “Đạt”, “Không đạt”. HSDX vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là “Đạt”.

5.3.4. So sánh giá chào

a) Bên mời chào giá xác định giá chào sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo quy định tại Luật Đấu thầu và trừ giá trị giảm giá trong Thư giảm giá (nếu có) để tiến hành so sánh. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ giá trị giảm giá thấp nhất được xếp thứ nhất.

b) Trong trường hợp các Nhà cung cấp có giá chào so sánh (giá chào sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ giá trị giảm giá) ngang nhau, Bên mời chào giá sẽ xếp hạng Nhà cung cấp theo thứ tự ưu tiên về so sánh các điều kiện chào tốt hơn/có lợi hơn cho Bên mời chào giá như: điều kiện thanh toán; đặc tính kỹ thuật, chất lượng hàng hóa/dịch vụ; quy mô, năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp; các điều kiện khác có lợi hơn cho bên thứ ba thụ hưởng hàng hóa/dịch vụ (nội dung khuyến khích Nhà cung cấp chào các điều kiện có lợi hơn quy định tại Biểu giá chào Mẫu số 3 Mục 5.8).

5.4. Điều kiện Nhà cung cấp được lựa chọn

Nhà cung cấp được đề nghị chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có HSDX hợp lệ và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, điều kiện thanh toán và giao hàng (nếu có) như trong HSYC;
- Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là Nhà cung cấp chính và không vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
- Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá thấp nhất và không vượt giá gói hàng hóa/dịch vụ được duyệt.

5.5. Thông báo kết quả chào giá

Sau khi có văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn NCC, Bên mời chào giá gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn NCC đến tất cả các Nhà cung cấp tham gia nộp HSDX, không cần thiết giải thích lý do đối với Nhà cung cấp không được lựa chọn.

Đối với Nhà cung cấp được lựa chọn, thông báo sẽ ghi rõ thời gian, địa điểm tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng kèm theo dự thảo hợp đồng (nếu có).

5.6. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng

Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng trên cơ sở kết quả lựa chọn NCC được duyệt, HSYC, HSDX của Nhà cung cấp được lựa chọn và dự thảo hợp đồng (nếu có).

5.7. Xử lý vi phạm

Trường hợp Nhà cung cấp có các hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý căn cứ theo quy định của Luật Đấu thầu và các quy định pháp luật khác liên quan.

5.8. Các biểu mẫu

- Mẫu số 1: Đơn chào giá
- Mẫu số 2: Giấy ủy quyền
- Mẫu số 3: Biểu giá chào
- Mẫu số 4: Báo cáo thực hiện hợp đồng tương tự

ĐƠN CHÀO GIÁ

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[Ghi tên Bên mời chào giá]*

(sau đây gọi là *Bên mời chào giá*)

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi Hồ sơ yêu cầu số ____ *[Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ *[Ghi tên Nhà cung cấp]*, cam kết thực hiện gói hàng hóa/dịch vụ ____ *[Ghi tên gói HHDV]* theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ]* cùng với biểu giá kèm theo.

Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp dịch vụ theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày *[Ghi số ngày]*, kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ *[Ghi thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất]*.

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp⁽¹⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký Đơn chào giá thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này). Trước khi ký kết hợp đồng, Nhà cung cấp trúng chào giá phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì Nhà cung cấp bị coi là vi phạm khoản 2 Điều 12 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 5.7 HSYC này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên Nhà cung cấp*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của Nhà cung cấp*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào giá gói dịch vụ ____ [*Ghi tên gói hàng hóa/dịch vụ*] do ____ [*Ghi tên Bên mời chào giá*] tổ chức:

[- Ký đơn chào giá;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời chào giá trong quá trình tham gia chào giá, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Bên mời chào giá/Chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên Nhà cung cấp*]. ____ [*Ghi tên Nhà cung cấp*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)*]

Người ủy quyền

[*Ghi tên người đại diện theo pháp luật
của Nhà cung cấp, chức danh, ký tên và
đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc Giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời chào giá cùng với Đơn chào giá theo quy định tại Điểm b Mục 5.1.1. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của Nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp dịch thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của Nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của Giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia Chào giá.

BIỂU GIÁ CHÀO**1. Nội dung cung cấp**

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)x(6)
1.						
2.						
...	...					
Tổng						
VAT (...%)						
Tổng cộng (VNĐ)						

*Bằng chữ: ...***2. Giá trị giảm giá (nếu có).**

3. Cam kết của Nhà cung cấp về đáp ứng đầy đủ các yêu cầu cung cấp hàng hóa/dịch vụ theo đúng Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật quy định tại Mục 4.2 HSYC hoặc Nhà cung cấp chào cụ thể các tiêu chí yêu cầu theo quy định tại Mục 4.2.

4. Nhà cung cấp được khuyến khích đưa ra các điều kiện khác có lợi cho bên thứ ba thụ hưởng hàng hóa/dịch vụ (nếu có). Bên mời chào giá sẽ xem xét các nội dung này khi đánh giá HSDX của Nhà cung cấp theo quy định tại Mục 5.3.4 Điểm b.

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

BÁO CÁO HỢP ĐỒNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN

Về sản xuất/cung cấp hàng hóa/dịch vụ trong ... năm gần đây (ghi năm cụ thể)

TÊN NHÀ CUNG CẤP: _____

STT	Tên và số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Tên đối tác ký hợp đồng	Địa chỉ đối tác	Điện thoại/ fax/ email của đối tác	Giá trị hợp đồng (VNĐ)
1						
2						
3						

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC HÀNG HOÁ, THÔNG SỐ KỸ THUẬT
(Đính kèm Hồ sơ yêu cầu Gói HHĐV: Cung cấp vật tư, linh kiện máy photocopy, máy in)

STT	Tên hàng hóa	Mô tả	Loại máy sử dụng	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Mực Xerox DC S 2011/2320/2520	Chính hãng	Máy Photocopy Fuji Xerox S2520	9.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	64
2	Cụm trống Xerox DC S2011/2320/2520 (CT351075)	Chính hãng		60.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	12
3	Mực Xerox DC V 2060/3060/3065	Chính hãng	Máy Photocopy Fuji Xerox V3060	9.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	8
4	Cụm trống Xerox DC V 2060/3060/3065 (CT351089)	Chính hãng		70.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	4
5	Mực Ricoh 2014S	Chính hãng	Máy Photocopy Ricoh MP 2014AD	7.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	4
6	Cụm trống Aficio MP 2014/2014D	Chính hãng		40.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	2
7	Bột từ	Chính hãng		-	Gói	2
8	Mực in TN-3608	Chính hãng	Máy in Brother HL- L5210DN	3.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	450
9	Cụm trống DR-3608	Chính hãng		45.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	80
10	Mực in 057	Tương thích	Máy in Canon LBP 226DW	3.100 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	24

STT	Tên hàng hóa	Mô tả	Loại máy sử dụng	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
11	Mực in 151A	Tương thích	Máy in HP LaserJet Pro 4003/4103FDN	3.050 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	60
12	Mực in 335A	Tương thích	Máy in HP LaserJet MFP M440DN	7.400 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	22
13	Mực in 89A	Tương thích	Máy in HP LaserJet Pro M507d	5.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	50
14	Mực in Canon 069BK	Chính hãng	Máy in màu Canon LBP673Cdw	2.100 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	6
15	Mực in Canon 069C	Chính hãng		1.900 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	4
16	Mực in Canon 069Y	Chính hãng		1.900 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	4
17	Mực in Canon 069M	Chính hãng		1.900 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	4
18	Mực in 415A-BK	Tương thích	Máy in màu HP LaserJet pro M454dw	2.400 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	12
19	Mực in 415A-C	Tương thích		2.100 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	8
20	Mực in 415A-Y	Tương thích		2.100 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	8
21	Mực in 415A-M	Tương thích		2.100 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	8

STT	Tên hàng hóa	Mô tả	Loại máy sử dụng	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
22	Mực in 416A-BK	Tương thích	Máy in màu HP LaserJet pro M454dw	2.400 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	12
23	Mực in 416A-C	Tương thích		2.100 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	8
24	Mực in 416A-Y	Tương thích		2.100 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	8
25	Mực in 416A-M	Tương thích		2.100 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	8
26	Mực in TN-451BK	Chính hãng	Máy in màu Brotherr HL-8360CDW	3.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	2
27	Mực in TN-451C	Chính hãng		1.800 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	2
28	Mực in TN-451Y	Chính hãng		1.800 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	2
29	Mực in TN-451M	Chính hãng		1.800 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	2
30	Mực in HP 230A-BK	Chính hãng	Máy in màu HP LaserJet pro MFP 4303dw	2.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	9
31	Mực in HP 230A-C	Chính hãng		2.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	9
32	Mực in HP 230A-Y	Chính hãng		2.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	9
33	Mực in HP 230A-M	Chính hãng		2.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	9

STT	Tên hàng hóa	Mô tả	Loại máy sử dụng	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
34	Mực in 26A	Tương thích	Máy in HP LaserJet M402DN/M426	3.100 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	280
35	Mực in 76A	Tương thích	Máy in HP LaserJet M404DW/M428	3.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	600
36	Mực in 80A	Tương thích	Máy in HP LaserJet Pro400/M401dn	2.700 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	120
37	Mực in 83A	Tương thích	Máy in HP Laserjet Pro M225dw	1.500 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	200
38	Mực in 87A	Tương thích	Máy in HP LaserJet M501dn	9.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	42
39	Mực in 93A	Tương thích	Máy in HP LaserJet M706dn	12.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	2
40	Mực in CF360B	Tương thích	Máy in màu HP Color M553	6.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	8
41	Mực in CF361C	Tương thích		5.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	6
42	Mực in CF362Y	Tương thích		5.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	8
43	Mực in CF363M	Tương thích		5.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	7
44	Mực in 30A	Tương thích	Máy in đa chức năng HP laserjet Pro MFP M227SDN	1.600 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	66
45	Cụm trống 32A	Tương thích		23.000 trang in	Hộp	7

STT	Tên hàng hóa	Mô tả	Loại máy sử dụng	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
				(độ phủ 5%/A4)		
46	Mực in TN3498	Chính hãng	Máy in Brother HL-L6400DW	20.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	75
47	Cụm trống DR-3455	Chính hãng		30.000 trang in (độ phủ 5%/A4)	Hộp	50
48	Ruy băng ERC-38B OEM	Chính hãng	Máy in kim Epson TM-U220	5 mét	Cái	20
49	Ruy băng OKI ML 184/320/321	Chính hãng	Máy in OKI ML320	3 triệu ký tự	Cái	40
50	S015589_Ruy băng máy in kim (LQ590)	Chính hãng	Máy in Kim Epson LQ590	14 mét	Cái	88
51	Ruy băng Fullmark LQ2170/2180/2190	Tương thích	Máy in kim A3 LQ2190	25 mét	Cái	146